

Ngày thi: 03/10/2012

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					5	10	20	10						55	100		
1	152614338	Ngô	Độ	K15NAB1	10	8	7	8.5					4	5.8	Năm phẩy Tám		
2	152614344	Lại Đình	Hào	K15NAB1	10	10	8.5	8.5					7	7.9	Bảy phẩy Chín		
3	152614345	Nguyễn Thanh	Lâm	K15NAB1	10	10	9	8.5					8	8.6	Tám phẩy Sáu		
4	152614347	Phan Thị Ngọc	Minh	K15NAB1	10	8	8.5	8.5					7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
5	152614348	Nguyễn Bình Kiều	Chinh	K15NAB1	10	10	8.5	8.5					6	7.4	Bảy phẩy Bốn		
6	152614351	Phạm Thị Tuyết	Mai	K15NAB1	8	8	6.5	8					5	6.1	Sáu phẩy Một		
7	152614352	Trương Thu	Hằng	K15NAB1	10	8	8.5	8.5					6	7.2	Bảy phẩy Hai		
8	152614355	Lê Đức Ánh	Lê	K15NAB1	0	0	0	0					HP	0.0	Không		
9	152614357	Võ Thị Quỳnh	Nhi	K15NAB1	10	8	6.5	8					6	6.7	Sáu phẩy Bảy		
10	152614362	Nguyễn	Thành	K15NAB1	8	8	7	8					4	5.6	Năm phẩy Sáu		
11	152614364	Thái Hoàng	Linh	K15NAB1	10	9	7.5	8					8	8.1	Tám phẩy Một		
12	152614365	Hồ Thị	Lựu	K15NAB1	10	8	7	8					5.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
13	152614367	Nguyễn Thị Phương	Anh	K15NAB1	10	9	7	8.5					8	8.1	Tám phẩy Một		
14	152614372	Trần Nguyễn Tú	Anh	K15NAB1	10	8	8.5	8.5					2.5	0.0	Không		
15	152614373	Phạm Ngọc Khánh	Linh	K15NAB1	10	8	7.5	7.5					6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
16	152614374	Hoàng Thị Ái	Nhi	K15NAB1	10	8	6	8.5					6	6.7	Sáu phẩy Bảy		
17	152614375	Nguyễn Thị Như	Ngọc	K15NAB1	8	9	8	7.5					5.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
18	152614377	Nguyễn Thị Thuý	Dương	K15NAB1	8	9	8.5	7.5					6	7.1	Bảy phẩy Một		
19	152614379	Đỗ Thị Hoài	Sinh	K15NAB1	10	9	7	7.5					4	5.8	Năm phẩy Tám		
20	152614381	Trần Thị Hoài	My	K15NAB1	10	8	6	8					4	5.5	Năm phẩy Năm		
21	152614382	Huỳnh Thị Bích	Hương	K15NAB1	10	10	9	8.5					4.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
22	152614389	Võ Trương Đức	Nhân	K15NAB1	10	10	8.5	8.5					7.5	8.2	Tám phẩy Hai		
23	152615785	Nguyễn Thị Phú	Quý	K15NAB1	10	9	7	8					7	7.5	Bảy phẩy Năm		
24	152615943	Vũ Thị Thu	Hương	K15NAB1	8	8	6	8.5					4.5	5.7	Năm phẩy Bảy		
25	152624406	Phan Trọng	Trí	K15NAB1	8	9	6	8					6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
26	151442350	Vũ Thị Kim	Huệ	K15NAB2	10	8.6	6.8	9.1					6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
27	152614333	Trương Thị Mỹ	Phúc	K15NAB2	10	9.4	3	9.7					5	5.8	Năm phẩy Tám		
28	152614334	Phan Thị Kim	Yến	K15NAB2	10	9.6	7.3	9.2					2	0.0	Không		
29	152614335	Võ Thị Diệu	Thảo	K15NAB2	10	9.6	5.5	9.2					6	6.8	Sáu phẩy Tám		
30	152614336	Đỗ Tấn	Phúc	K15NAB2	10	9.2	5.5	9.2					4.5	5.9	Năm phẩy Chín		
31	152614342	Lê Nguyễn Bích	Loan	K15NAB2	10	9.6	6.3	9.5					5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
32	152614343	Trần Thị Thuý	Trang	K15NAB2	9	9.6	6.8	8.8					4	5.9	Năm phẩy Chín		
33	152614350	Võ Xuân	Trang	K15NAB2	10	9.2	6.8	9.2					6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
34	152614353	Lê Thị Bảo	Trang	K15NAB2	7	9.2	6.3	9.2					5	6.2	Sáu phẩy Hai		
35	152614354	Phan Thị Kim	Oanh	K15NAB2	10	9.2	6	9.2					5	6.3	Sáu phẩy Ba		
36	152614356	Đinh Lan Hiền	Trang	K15NAB2	10	9	4.5	9.3					4.5	5.7	Năm phẩy Bảy		
37	152614359	Đoàn Thị Quỳnh	Thi	K15NAB2	10	9.6	5.8	8.8					5.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
38	152614361	Nguyễn Thị Thuý	Trang	K15NAB2	10	9.6	8	9.5					8	8.4	Tám phẩy Bốn		
39	152614366	Lê Thị Hồng	Trang	K15NAB2	10	8.2	4	8.6					4.3	5.3	Năm phẩy Ba		
40	152614368	Nguyễn Thị Thu	Sương	K15NAB2	10	9.6	5.5	9.2					6.8	7.2	Bảy phẩy Hai		
41	152614370	Phạm Vũ Hoàng	Vy	K15NAB2	10	9.6	7	9.2					6.8	7.5	Bảy phẩy Năm		
42	152614378	Bùi Thị Hà	Vân	K15NAB2	3	8.2	5.8	8.6					4.5	5.5	Năm phẩy Năm		
43	152614383	Ngô Thị Mai	Phương	K15NAB2	10	8.6	5	9.1					6	6.6	Sáu phẩy Sáu		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP TẬP KHOA K15NAB												
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				MÔN HỌC:	DỊCH THUẬT KHOA HỌC								HỌC KỲ		7	
				MÃ MÔN:	ENG 423								TÍN CHỈ		2	
Ngày thi:				03/10/2012								LẦN THI		1		
ST T	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				5	10	20	10					55	100			
44	152614384	Trần Thị Hồng Nhung	K15NAB2	10	8.6	5.8	9.1					4.5	5.9	Năm phẩy Chín		
45	152614387	Hồ Thị Vui	K15NAB2	10	9.6	5.5	9.2					4	5.7	Năm phẩy Bảy		
46	152614393	Từ Thị Thu Vi	K15NAB2	10	8.2	4.5	8.6					4.3	5.4	Năm phẩy Bốn		
47	152614394	Võ Thị Lan Hương	K15NAB2	10	9.4	7	9.7					8	8.2	Tám phẩy Hai		
48	152614396	Hà Thị Tuyền	K15NAB2	10	9.6	6	9.5					5.8	6.8	Sáu phẩy Tám		
49	152614397	Nguyễn Trang Kiều Oanh	K15NAB2	9	9.6	4	8.8					4.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
50	152614398	Trần Thị Quỳnh Trang	K15NAB2	0	0	0	0					5.8	3.2	Ba phẩy Hai		
51	152615626	Phan Quỳnh Minh Phượng	K15NAB2	10	9.4	8.3	9.7					7.8	8.4	Tám phẩy Bốn		
52	152616084	Vũ Hoàng Yên	K15NAB2	10	8.6	5	9.1					2.3	0.0	Không		
53	152616225	Đào Kiên Trung	K15NAB2	10	9	5.3	9.3					5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
54	152616300	Lâm Thị Minh Phương	K15NAB2	10	9.4	6.3	9.7					8.3	8.2	Tám phẩy Hai		
55	152616378	Cao Thị Thu Dung	K15NAB2	10	9	4.3	9.3					4.8	5.8	Năm phẩy Tám		
56	152624422	Lê Khánh Thảo	K15NAB2	9	9.6	4.3	8.8					4.5	5.6	Năm phẩy Sáu		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	51	91%	
2	Số sinh viên nợ	5	9%	
TỔNG CỘNG :		56	100%	

LẬP BẢNG	KIỂM TRA	LÃNH ĐẠO KHOA	Đà Nẵng, ngày 19 tháng 10 năm 2012
			PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
	(ký và ghi rõ họ tên)	(ký và ghi rõ họ tên)	(ký và ghi rõ họ tên)
Nguyễn T K Phương			ThS. Nguyễn Hữu Phú